

Phụ lục XII
BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG NĂNG
(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày /02/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Giá đất trồng lúa nước 2 vụ:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá điều chỉnh		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Xã Phú Xuân	33.000	31.000	28.000
2	Xã Ea Tân	32.000	27.000	-
3	Xã Tam Giang	29.000	23.000	-
4	Xã Cư Klông	28.000	23.000	-
5	Xã Ea Tóh	35.000	-	-
6	Xã Ea Hồ	33.000	28.000	-
7	Xã Phú Lộc	28.000	24.000	-
8	Xã Ea Púk	25.000	22.000	-
9	Xã Dliêya	45.000	34.500	-
10	Xã Ea Tam	30.000	25.000	22.000
11	Xã Ea Dăh	26.000	20.000	-
12	Thị trấn Krông Năng	91.840	80.360	71.750

Ghi chú: Đối với đất trồng lúa nước 01 vụ, giá đất được tính bằng 70% đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên theo từng vị trí của từng xã.

1.1. Xã Phú Xuân

- Vị trí 1: Thôn Xuân Vĩnh, thôn Xuân Tây, thôn Xuân Thành, thôn Xuân Thủy, thôn Xuân Trường

- Vị trí 2: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 5, thôn 6, thôn 9, thôn 10, thôn 12

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

1.2. Xã Ea Tân

- Vị trí 1: Thôn Ea Blông, Ea Chiêu, Quang Trung

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

1.3. Xã Tam Giang

- Vị trí 1: Thôn Giang Thịnh, thôn Giang Lộc, thôn Giang Mỹ, thôn Giang Hưng

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

1.4. Xã Cư Klông

- Vị trí 1: Thôn Tam Bình, thôn Tam Khánh, thôn Tam Hợp, thôn Tam Thuận

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

1.5. Xã Ea Tóh

- Vị trí 1: Trên địa bàn toàn xã

1.6. Xã Ea Hồ

- Vị trí 1: Cánh đồng Trấp Bur, cánh đồng Trấp Ksor (thuộc Buôn Giêr, thôn Quảng An)

- Vị trí 2: Cánh đồng Ea Much (thuộc Buôn Trang, Buôn Mrum)

1.7. Xã Phú Lộc

- Vị trí 1: Thôn Lộc Tiến, thôn Lộc An, thôn Lộc Thịnh, thôn Lộc Thiện

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

1.8. Xã Ea Púk

- Vị trí 1: thôn Giang Đại, thôn Giang Tiến, thôn Giang Thủy

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

1.9. Xã Dliêya

- Vị trí 1: Buôn Dưa, buôn Juk, buôn Jun, buôn Ksor

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

1.10. Xã Ea Tam

- Vị trí 1: Thôn Tam Lập, thôn Tam Phong, thôn Tam Thịnh, thôn Tam Liên, thôn Tam An

- Vị trí 1: Thôn Tam Hiệp, buôn Trấp, thôn Tam Lực, thôn Tam Thành, thôn Tam Trung, thôn Tam Đồng, thôn Tam Hòa

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

1.11. Xã Ea Dăh

- Vị trí 1: Thôn Xuân Hà 2, thôn Xuân Hà 3, thôn Xuân Lạng 1, Thôn Xuân Lạng 2, thôn Thanh Xuân, thôn Giang Hà, thôn Giang Xuân

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

1.12. Thị trấn Krông Năng

- Vị trí 1: Tổ dân phố 4, buôn Wiao A

- Vị trí 2: Tổ dân phố 8, thôn Bình Minh

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2. Giá đất trồng cây hàng năm khác:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá điều chỉnh		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Xã Phú Xuân	42.000	36.000	30.000
2	Xã Ea Tân	35.000	30.000	25.000
3	Xã Tam Giang	35.000	30.000	22.000
4	Xã Cư Klông	35.000	30.000	24.000
5	Xã Ea Tóh	38.000	33.000	26.000
6	Xã Ea Hồ	40.000	35.000	26.000
7	Xã Phú Lộc	38.000	32.000	27.000
8	Xã Ea Púk	32.000	25.000	-
9	Xã Dliêya	55.500	48.000	34.500
10	Xã Ea Tam	35.000	29.000	22.000
11	Xã Ea Dăh	26.000	27.000	20.000
12	Thị trấn Krông Năng	77.900	60.600	51.900

2.1. Xã Phú Xuân

Vị trí 1: Thôn 3, thôn 5, thôn 6, thôn 9, thôn 10, thôn 11, thôn 12

Vị trí 2: Thôn Xuân Đoàn, thôn Xuân Hòa, thôn Xuân Thành, thôn Xuân Phú, thôn Xuân Mỹ, thôn Xuân Thủy, Xuân Long, Xuân Tây, Xuân Thuận, Xuân Lộc, Xuân Ninh, Xuân Vĩnh, Xuân Trường, Xuân An, Xuân Đạt, thôn 1, thôn 7, thôn 8, thôn 13.

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.2. Xã Ea Tân

Vị trí 1: Thôn Hải Hà, Đoàn Kết, Quyết Tâm, Thống Nhất

Vị trí 2: Thôn Thanh Cao, Ea Chăh, Ea Đình, Ea Heo, Yên Khánh, Quang Trung, Ea Chiêu, Ea Chiêu 1

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.3. Xã Tam Giang

Vị trí 1: Thôn Giang Thịnh, thôn Giang Mỹ, thôn Giang Hưng

Vị trí 2: Thôn Giang Hòa, thôn Giang Phong, thôn Giang Bình, thôn Giang Phú, thôn Phước Lộc, thôn Trung Nghĩa

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.4. Xã Cư Klông

Vị trí 1: Thôn Tam Bình, thôn Tam Khánh, thôn Tam Hà, thôn Tam Thuận

Vị trí 2: thôn Tam Hợp, thôn Ea Bir

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.5. Xã Ea Tóh

Vị trí 1: Thôn Tân Mỹ

Vị trí 2: Thôn Tân Hà, Tân Hợp, Tân Quảng, Tân Thành, Tân Phú, Tân Lộc, Tân Nam, Tân Trung A, Tân Hiệp, Tân Trung B, Tân Kỳ, Tân Vinh

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.6. Xã Ea Hồ

Vị trí 1: Trung Hồ, Hồ Tiếng, Buôn Hô, Buôn Mrum, buôn Trang, buôn Năng

Vị trí 2: thôn Hòa Bình, Quảng An, Hà Quảng, buôn Giêr

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.7. Xã Phú Lộc

Vị trí 1: thôn Lộc Yên

Vị trí 2: Lộc Tân, Lộc Tài, Lộc Thiện, Lộc Thuận, Lộc Yên, Lộc Phú

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.8. Xã Ea Púk

Vị trí 1: Giang Tân, Giang Minh, Giang Sơn

Vị trí 2: Các khu vực còn lại

2.9. Xã Dliêya

Vị trí 1: Trung Hòa, Ea Kanh, Quyết Tiến, Ea Dua, buôn Juk, buôn Yóh, buôn Kmag

Vị trí 2: Ea Krái, Ea Ruế, Ea Đốc, Bình An, Phú Lộc, Tân Tiến, Tân Hiệp, Đồng Tâm, Ea Sim, Buôn Dliêya B

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.10. Xã Ea Tam

Vị trí 1: Thôn Tam Lập, thôn Tam Phong, thôn Tam Thịnh, thôn Tam Liên, thôn Tam An

Vị trí 2: Thôn Tam Hiệp, buôn Trấp, thôn Tam Lực, thôn Tam Thành, thôn Tam Trung, thôn Tam Đồng, thôn Tam Hòa

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.11. Xã Ea Dăh

Vị trí 1: Thôn Xuân Hà 1, thôn Xuân Hà 2, thôn Xuân Hà 3, thôn Xuân Lạng 1, Thôn Xuân Lạng 2, thôn Giang Hà

Vị trí 2: Thái Xuân, Xuân Thanh, Giang Châu

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.12. Thị trấn Krông Năng

Vị trí 1: Tổ dân phố 1, Tổ dân phố 2, Tổ dân phố 3, Tổ dân phố 4, Tổ dân phố 5, Tổ dân phố 9 và Buôn Wiào A

Vị trí 2: Tổ dân phố 7, Tổ dân phố 8, Buôn Ur, Buôn Wiào B

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3. Giá đất trồng cây lâu năm:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá điều chỉnh		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Krông Năng	315.700	274.800	60.000
2	Xã Phú Xuân	50.000	42.000	35.000
3	Xã Tam Giang	45.000	40.000	31.000
4	Xã Ea Puk	44.000	33.000	-
5	Xã Ea Tân	43.000	37.000	32.000
6	Xã Ea Dăh	40.000	33.000	25.000
7	Xã Ea Tam	47.000	40.000	30.000
8	Xã Dliêya	75.000	63.000	49.500
9	Xã Phú Lộc	50.000	42.000	32.000
10	Xã Ea Hồ	49.500	44.000	33.000
11	Xã Ea Tóh	55.000	45.000	35.000
12	Xã Cư Klông	48.400	39.600	27.500

3.1. Thị trấn Krông Năng

Vị trí 1: Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5 và Buôn Wiào A

Vị trí 2: Tổ dân phố 7, 8, buôn Wiao B, buôn Ur

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.2. Xã Phú Xuân

Vị trí 1: Thôn 3, 4, 5, 6, 9, 10, 11, 12 và Thôn Xuân Ninh

Vị trí 2: Thôn 1, 7, 8, 13, thôn Xuân Đoàn, Xuân Hòa, Xuân Thành, Xuân Phú, Xuân Mỹ, Xuân Thủy, Xuân Long, Xuân Tây, Xuân Thuận, Xuân Lộc, Xuân Vĩnh, Xuân Trường, Xuân An, Xuân Đạt

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.3. Xã Tam Giang

Vị trí 1: Thôn Giang Mỹ, thôn Giang Hưng, thôn Giang Thịnh

Vị trí 2: Thôn Giang Hòa, Giang Phong, Giang Bình, Giang Phú, Phước Lộc, Trung Nghĩa

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.4. Xã Ea Puk

Vị trí 1: Thôn Giang Tân, thôn Giang Minh, thôn Giang Sơn, thôn Giang Điền

Vị trí 2: Các khu vực còn lại

3.5. Xã Ea Tân

Vị trí 1: Thôn Hải Hà, thôn Đoàn Kết, thôn Quyết Tâm, thôn Thống Nhất

Vị trí 2: Thôn Thanh Cao, thôn Ea Chăm, thôn Ea Đình, thôn Ea Heo, thôn Yên Khánh, thôn Quang Trung, thôn Ea Chiêu, thôn Ea Chiêu 1

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.6. Xã Ea Dăh

Vị trí 1: Thôn Giang Hà, thôn Xuân Hà 1, thôn Xuân Hà 2, thôn Xuân Hà 3, thôn Xuân Lạng 1, thôn Xuân Lạng 2.

Vị trí 2: thôn Giang Châu, thôn Xuân Thái, thôn Xuân Thanh

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.7. Xã Ea Tam

Vị trí 1: Thôn Tam Lập, thôn Tam Phong, thôn Tam Thịnh, thôn Tam Liên, thôn Tam An

Vị trí 2: Thôn Tam Hiệp, buôn Trấp, thôn Tam Lực, thôn Tam Thành, thôn Tam Trung, thôn Tam Đồng, thôn Tam Hà

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.8. Xã Dliêya

Vị trí 1: thôn Trung Hòa, thôn Ea Kanh, thôn Quyết Tiến, buôn Ea Dua, buôn Juk, buôn KSor, buôn Jun, buôn Yóh, buôn K mang

Vị trí 2: thôn Ea Krái, thôn Ea Ruế, Ea Đốc, Bình An, Tân Tiến, Tân Hiệp, Đồng Tâm, Đồng Tiến, Ea Ngai, Ea Sim, buôn Dliêya B

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.9. Xã Phú Lộc

Vị trí 1: Thôn Lộc Tân, Lộc Thiện, Lộc Tài

Vị trí 2: Thôn Lộc Thuận, Lộc Yên, Lộc Phú

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.10. Xã Ea Hồ

Vị trí 1: Thôn Trung Hồ, thôn Hồ Tiếng, buôn Hô, buôn Mrun, buôn Trang, buôn Năng

Vị trí 2: Thôn Hòa Bình, thôn Quảng An, Hà Quảng, buôn Giêr

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.11. Xã Ea Tóh

Vị trí 1: Thôn Tân Hà, Tân Quảng, Tân Thành, Tân Phú, Tân Lộc, Tân Nam, Tân Trung .

Vị trí 2: Thôn Tân Mỹ, Tân Hiệp, Tân Trung B, Tân Kỳ, Tân Vinh

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.12. Xã Cư Klông

Vị trí 1: Thôn Tam Bình, thôn Tam Khánh, thôn Tam Hà, thôn Tam Thuận

Vị trí 2: Thôn Tam Hợp, thôn Ea Bir

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

4. Giá đất rừng sản xuất:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá điều chỉnh
1	Thị trấn Krông Năng	15.000
2	Xã Phú Xuân	15.000
3	Xã Tam Giang	15.000
4	Xã Ea Puk	15.000
5	Xã Ea Tân	15.000
6	Xã Ea Dăh	15.000
7	Xã Ea Tam	15.000
8	Xã Dliêya	15.000
9	Xã Phú Lộc	15.000

10	Xã Ea Hồ	15.000
11	Xã Ea Tóh	15.000
12	Xã Cư Klông	15.000

5. Giá đất nuôi trồng thủy sản:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá điều chỉnh		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Krông Năng	117.600	68.600	
2	Xã Phú Xuân	44.000	36.000	25.000
3	Xã Ea Tân	40.000	34.000	25.000
4	Xã Tam Giang	33.000	22.000	
5	Xã Cư Klông	30.000	22.000	
6	Xã Ea Tóh	55.000	40.000	28.000
7	Xã Ea Hồ	38.500	25.300	
8	Xã Phú Lộc	33.000	22.000	
9	Xã Ea Púk	33.000	22.000	
10	Xã Dlieya	44.000	52.500	33.000
11	Xã Ea Tam	38.000	22.000	
12	Xã Ea Dăh	32.000	18.000	

5.1. Thị trấn Krông Năng

Vị trí 1: Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5 và Buôn Wiâu A

Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5.2. Xã Phú Xuân

Vị trí 1: Thôn 2, Thôn Xuân Ninh

Vị trí 2: Thôn 10, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 9, thôn 11, thôn 12

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

5.3. Xã Tam Giang

Vị trí 1: Thôn Giang Mỹ, thôn Giang Hưng, thôn Giang Thịnh

Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5.4. Xã Ea Puk

Vị trí 1: Thôn Giang Tân, thôn Giang Minh, thôn Giang Sơn

Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5.5. Xã Ea Tân

Vị trí 1: Thôn Ea Blông, thôn Ea Chiêu, thôn Quang Trung

Vị trí 2: Thôn Hải Hà, thôn Đoàn Kết, thôn Quyết Tâm, thôn Thống Nhất

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

5.6. Xã Ea Dăh

Vị trí 1: Thôn Giang hà, thôn Xuân Hà 1, thôn Xuân Hà 1, thôn Xuân Hà 3, thôn Xuân Lạng 1, thôn Xuân Lạng 2.

Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5.7. Xã Ea Tam

Vị trí 1: Thôn Tam lập, thôn Tam Phong, thôn Tam Thịnh, thôn Tam Liên, thôn Tam An

Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5.8. Xã Dliêya

Vị trí 1: Thôn Tân Tiến

Vị trí 2: thôn Trung Hòa, thôn Ea Kanh, thôn Quyết Tiến, buôn Ea Dua, buôn Juk, buôn KSor, buôn Jun, buôn Yóh, buôn Kmang

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

5.9. Xã Phú Lộc

Vị trí 1: Thôn Lộc Tiến, thôn Lộc An, thôn Lộc Thịnh, thôn Lộc Thiện

Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5.10. Xã Ea Hồ

Vị trí 1:Thôn Trung Hồ, thôn Hồ Tiếng, Buôn Hồ, buôn Mrun, buôn Trang, buôn Năng

Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5.11. Xã Ea Tóh

Vị trí 1:Thôn Tân Mỹ, thôn Tân Phương, thôn Tân Đông

Vị trí 2: Thôn Tân Hà, thôn Tân Hợp, thôn Tân Quảng, thôn Tân Thành, thôn Tân Phú, thôn Tân Lộc, thôn Tân Nam, thôn Tân Trung A

Vị trí 3: Các khu vực còn lại

5.12. Xã Cư Không

Vị trí 1: Thôn Tam Bình, thôn Tam Khánh, thôn Tam Hà, thôn Tam Thuận

Vị trí 2: Các khu vực còn lại

6. Giá đất ở tại nông thôn:

ĐVT: đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Xã Tam Giang			
1	Tuyến Quốc lộ 29	Ngã 3 đất nhà ông Ngô Thời Thương (Thửa 24, TĐĐ 40)	Hết ranh giới xã Tam Giang (giáp Ea Dăh)	400.000
		Ngã 3 đất nhà ông Ngô Đình Phú (Thửa 190, TĐĐ 40)	Ngã 3 đường bê tông xã Ea Dăh (hết thửa 197, TĐĐ 40)	400.000
2	Đường trục chính	Km 0 (Ngã tư nhà ông Vũ) - Thửa 75, TĐĐ số 53	Nhà ông Phùng Dự (Thửa 119, TĐĐ số 53)	1.760.000
		Nhà ông Phùng Dự (Thửa 119, TĐĐ số 53)	Nguyễn Chí Thanh (Thửa 34, TĐĐ số 52)	1.925.000
		Trụ sở nông trường cao su (TĐĐ số 51)	Ngã ba Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh (Thửa 34, TĐĐ số 52)	715.000
		Trụ sở nông trường cao su (TĐĐ số 51)	Cầu Xi măng giáp thị trấn Krông Năng (Thửa 95, TĐĐ số 25)	495.000
		Km 0 (Ngã tư nhà ông Vũ) - Thửa 75, TĐĐ số 53	Hết ranh giới đất nhà Hoài Sương (Thửa 19, TĐĐ số 53)	1.210.000
		Hết ranh giới đất nhà Hoài Sương (Thửa 19, TĐĐ số 53)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thúc (Đi xã Ea Púk) - Thửa 88, TĐĐ số 54	935.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thúc (Đi xã Ea Púk) - Thửa 88, TĐĐ số 54	Suối Ea Đá (Giáp xã Ea Púk) -, TĐĐ số 50	550.000
		Km 0 (Ngã tư nhà ông Vũ) - Thửa 75, TĐĐ số 53)	Hết ranh giới đất nhà Vinh (Đường đi Phú Yên) - Thửa 122, TĐĐ số bản đồ 56	1.760.000
		Km 0 (Ngã tư nhà ông Vũ) - Thửa 75, TĐĐ số 53	Ngã tư nhà ông Muôn (Thửa 157, TĐĐ số 54)	605.000
		Ngã tư nhà ông Muôn (Thửa 157, TĐĐ số 54)	Thôn Giang Trung (Nhà ông Khảm) - Thửa 05, TĐĐ số 60	550.000
		Ngã ba nhà ông Thử (Thửa 225, TĐĐ số 53)	Ngã ba nhà ông Chạy thôn Giang Nghĩa (Thửa 17, TĐĐ số 60)	605.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Nhà ông Phùng (Thửa 119, TĐĐ số 53)	Quốc Lộ 29 (Thửa 53, TĐĐ số 56)	715.000
		Trụ sở nông trường Cao su (TĐĐ số 51)	Đường vào Trường THCS Trần Hưng Đạo (Thửa 52, TĐĐ số 28)	825.000
		Đường vào Trường THCS Trần Hưng Đạo (Thửa 52, TĐĐ số 28)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Đặng (Thửa 16, TĐĐ số 34)	935.000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Đặng (Thửa 16, TĐĐ số 34)	Ngã ba thôn Giang Hà (Nhà ông Ngô Thời Thương) - Thửa 24, TĐĐ số 40	605.000
		Ngã ba Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh (Thửa 34, TĐĐ số 52)	Ngã ba nhà ông Liệu (Thửa 67, TĐĐ số 20)	605.000
		Ngã ba nhà ông Liệu (Thửa 67, TĐĐ số 20)	Trường tiểu học Nguyễn Tri Phương (Thửa 75, TĐĐ số 15)	550.000
		Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương (Thửa 75, TĐĐ số 15)	Ngã ba nhà ông Duẩn (Thôn Giang Phú) - Thửa 32, TĐĐ số 11	440.000
		Trường THCS Trần Hưng Đạo (Thửa 52, TĐĐ số 34)	Hết ranh giới Trường THPT Tôn Đức Thắng thửa 11 tờ bản đồ 34	650.000
		Ngã tư đèn vàng (Thửa 68, TĐĐ số 28)	Ngã tư đất ông Nguyễn Khoa Trinh (Thửa 61, TĐĐ số 28)	650.000
		Ngã tư đất ông Trần Văn Hậu (Thửa 80, TĐĐ số 28)	Hết ranh giới đất ông Trần Thanh Nam (Thửa 07, TĐĐ số 34)	450.000
		Ngã tư đất ông Trần Văn Hậu (Thửa 73, TĐĐ số 28)	Ngã 4 đất ông Văn Chín (Thửa 177, TĐĐ số 28)	650.000
		Hết ranh giới Trường THPT Tôn Đức Thắng thửa 11 tờ bản đồ 34	Hết ranh giới đất ông Trần Văn Hậu (Thửa 37, TĐĐ số 34)	450.000
		Ngã tư đất nhà ông Lê Quang Liêm (Thửa 210, TĐĐ số 56)	Hết ranh giới đất ông Phan Thanh (Thửa 62, TĐĐ số 56)	450.000
		Ngã Tư nhà ông Lê Văn Minh (Thửa 35, TĐĐ số 52)	Hết ranh giới nhà ông Trương Đình Mẫn thửa 303, tờ bản đồ 55	550.000
		Ngã Tư đất ông Nguyễn Đức (Thửa 182, TĐĐ số 53)	Hết ranh giới nhà ông Trương Đình Việt (Thửa 53, tờ bản đồ 56)	550.000
3	Tuyến liên xã	Ngã 3 nhà ông Chạy thôn Trung Nghĩa (Thửa 17, TĐĐ 60)	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Thu (Thửa 75, TĐĐ 35)	300.000
4	Khu dân thôn Giang Thọ			165.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	Khu vực còn lại			143.000
II	Xã Phú Xuân			
1	Đường Tỉnh lộ 3	Cầu Phú Xuân - Thị trấn Krông Năng	Ngã ba thôn Xuân Thuận (Thửa 159, TBĐ số 73)	935.000
		Ngã ba thôn Xuân Thuận (Thửa 159, TBĐ 73)	Cổng chào thôn Xuân Đoàn (Thửa 36, TBĐ số 80)	1.045.000
		Cổng chào thôn Xuân Đoàn (Thửa 36, TBĐ số 80)	Cổng chào thôn Xuân Thành (Giáp Rừng già - Thửa 56, TBĐ số 83)	1.650.000
		Cổng chào thôn Xuân Thành (Giáp Rừng già - Thửa 56, TBĐ số 83)	Cây xăng Diệu Hóa (Thửa 145, TBĐ số 91)	1.100.000
		Cây xăng Diệu Hóa (Thửa 145, TBĐ số 91)	Cổng chào Thôn 7 (Thửa 10, TBĐ số 104)	935.000
		Cầu trần C6 (Thửa 19, TBĐ số 120)	Ngã tư Thôn 10 (Giáp trường THPT Lý Tự Trọng, thửa 168, TBĐ số 38)	1.155.000
		Ngã tư Thôn 10 (Giáp trường THPT Lý Tự Trọng, thửa 168, TBĐ số 38)	Hết Ranh giới hồ Ea Kmiên 1 (Giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Ké, thửa 280, TBĐ số 45)	1.320.000
		Hết Ranh giới hồ Ea Kmiên 1 (Giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Ké, thửa 280, TBĐ số 45)	Ngã ba cây xăng Hoa Lánh (Thửa 671, TBĐ số 45)	1.540.000
		Ngã ba cây xăng Hoa Lánh (Thửa 671, TBĐ số 45)	Cổng chào thôn thôn 9 (Thửa 49, TBĐ số 53)	1.045.000
		Cổng chào thôn thôn 9 (Thửa 49, TBĐ 53)	Ngã ba đường đi hồ đập C14 (Thửa 265, TBĐ số 54)	935.000
		Cổng chào thôn 1 (Thửa 15, TBĐ số 55)	Hết ranh giới thôn 8 (Giáp huyện Ea Kar)	770.000
		Phần còn lại hai bên trục đường tỉnh lộ 3		550.000
2	Đường liên thôn Xuân Thủy - Xuân Trường - Xuân An	Ngã ba đường liên thôn Xuân Thủy (Giáp nhà ông Huỳnh Viết Đồng, thửa 84, TBĐ số 92)	Ngã ba vườn nhà ông Lê Văn Sơn (Thửa 18, TBĐ số 94)	935.000
3	Khu vực công ty 49	Trụ sở Công ty cà phê 49 (Thửa 169, TBĐ 38)	Trường tiểu học Võ Thị Sáu (Thửa 414, TBĐ 39)	1.089.000
4	Đường liên xã	Ngã ba thôn Xuân Thuận (Thửa 159, TBĐ số 73)	Ngã ba đường đi nghĩa trang thôn Xuân Lộc (Thửa 87, TBĐ số 72)	935.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Ngã ba đường đi nghĩa trang thôn Xuân Lộc (Thửa 87, TBĐ số 72)	Hội trường thôn Xuân Vĩnh (Thửa 11, TBĐ số 67)	825.000
		Hội trường thôn Xuân Vĩnh (Thửa 11, TBĐ số 67)	Hết ranh giới thôn Xuân Vĩnh	715.000
		Cây xăng Diệu Hóa (Thửa 145, TBĐ số 91)	Ngã ba nhà đường liên thôn Xuân Thủy (Giáp nhà ông Huỳnh Việt Đồng - Thửa 84, TBĐ số 92)	935.000
		Ngã ba nhà đường liên thôn Xuân Thủy (Giáp nhà ông Huỳnh Việt Đồng - Thửa 84, TBĐ số 92)	Suối (Giáp vườn ông Nguyễn Ngọc Hiền - Thửa 1764, TBĐ số 16)	825.000
		Suối (Giáp vườn ông Nguyễn Ngọc Hiền, thửa 1764, TBĐ 16)	Sông Krông Năng (Giáp xã Ea Dăh)	715.000
		Ngã ba cây xăng ông Lánh trực đường 2C (Thửa 671, TBĐ số 45)	Cổng chào thôn 11 (Thửa 92, TBĐ số 44)	935.000
		Cổng chào thôn 11 (Thửa 92, TBĐ số 44)	Ngã ba nhà ông Đỗ Đăng Căn - Thửa 15, TBĐ số 43 (Thôn 12)	825.000
		Ngã ba nhà ông Đỗ Đăng Căn - Thửa 15, TBĐ số 43 (Thôn 12)	Xã Ea Drông	715.000
		Đoạn từ Ngã ba thôn Xuân Vĩnh (Thửa 1, TBĐ số 65)	Giáp suối thị trấn Krông Năng	650.000
5	Khu vực còn lại			176.000
III	Xã Ea Dăh			
1	Khu trung tâm xã	Hết ranh giới đất nhà ông Kiều Đức Nhã (Thửa 35, TBĐ số 53)	Hết ranh giới nhà ông Hà Văn Thiếu (Thửa 83, TBĐ số 11)	187.000
		Từ nhà ông Kiều Đức Nhã (Thửa 35, TBĐ số 53)	Giáp chân đập Ea Túc	275.000
		Ngã ba chợ trung tâm xã (UBND xã)	Giáp chân đập Ea Túc	275.000
		Ngã tư Trung tâm xã (UBND xã)	Hết ranh giới nhà ông Phạm Văn Khánh thửa 14, TBĐ số 49 (Đi Tam Giang)	308.000
		Trường mẫu giáo Hoa Cúc Trắng	Hết tuyến đường dự kiến khu đầu giá	187.000
		Cổng chào thôn Giang Châu	Giáp ranh giới trường trung học cơ sở Chu Văn An	154.000
2	Khu Minh Hà	Nhà ông Ngô Tường Sáng (Thửa 02, TBĐ số 01)	Hết ranh giới đất nhà ông Lương Văn Hiệp (Thửa 06, TBĐ số 54)	187.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Hết ranh giới đất nhà ông Lương Văn Hiệp (Thửa 06, TBĐ số 54)	Hết ranh giới đất nhà ông Đinh Tiến Sỹ (Thửa 16, TBĐ số 58)	297.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Đinh Tiến Sỹ (Thửa 16, TBĐ số 58)	Hết ranh giới nhà Đinh Quang Hạ (Thửa 35, TBĐ số 60)	407.000
		Hết ranh giới nhà Đinh Quang Hạ (Thửa 35, TBĐ số 60)	Hết ranh giới nhà ông Đinh Huyền (Thửa 19, TBĐ số 61)	270.000
		Hết ranh giới nhà ông Đinh Huyền (Thửa 19, TBĐ số 61)	Hết ranh giới nhà Phan Đình Lâm (Thửa 117, TBĐ số 33)	352.000
		Hết ranh giới nhà Phan Đình Lâm (Thửa 117, TBĐ số 33)	Giáp ranh giới Ea Kar	187.000
		Từ nhà ông Đinh Quang Cửu (Thửa 47, TBĐ số 59)	Hết ranh giới nhà ông Quan Ngọc Lương (Thửa 365, TBĐ số 16)	187.000
		Hết ranh giới nhà ông Quan Ngọc Lương (Thửa 365, TBĐ số 16)	Sông Krông Năng	154.000
		Đường vào UBND xã (Hết đất nhà ông Dương Văn Đề thửa 35, TBĐ số 59)	(Hết ranh giới nhà ông Đinh Văn Sứy - Thửa 82, TBĐ số 17)	187.000
3	Đường liên thôn Xuân Hà 3	Hết ranh giới đất nhà ông Lương Văn Hiệp (Thửa 06, TBĐ số 54)	Hết ranh giới nhà ông Đinh Sỹ Cửu (Thửa 130, TBĐ số 16)	154.000
4	Đường liên thôn Xuân Lạng 1	Cổng chào Xuân Lạng 1	Hết ranh giới nhà ông Nguyễn Văn Quý (Thửa 68, TBĐ số 43)	154.000
5	Khu vực còn lại			110.000
IV	Xã Ea Tóh			
1	Đường trục chính liên xã đi Xã Ea Hồ	Ngã ba Trung tâm xã	Cổng chào thôn Tân Hà	6.050.000
		Cổng chào thôn Tân Hà	Ngã ba vào trường tiểu học Nguyễn Du	22.77.000
		Ngã ba vào trường TH Nguyễn Du	Ngã ba đường vào thôn Tân Hiệp	693.000
		Ngã ba đường vào thôn Tân Hiệp	Giáp ranh giới xã Ea Hồ	275.000
		Đất nhà bà Hiền Vượng giáp đường liên xã Ea Tóh – Ea Hồ (Thửa đất 187, TBĐ34)	Hết trường Nguyễn Viết Xuân (Thửa đất 135, TBĐ 42)	700.000
2		Ngã ba Trung tâm xã	Ngã tư đi Ea Tam, buôn Kai	6.050.000
		Ngã tư đi Ea Tam, buôn Kai	Hội trường thôn Tân	2.365.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Thành	
		Hội trường thôn Tân Thành	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Luyện	1.375.000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Luyện	Cầu Ea Khanh	726.000
3	Đường phía Đông chợ trung tâm xã Ea Tóh	Đất hộ ông Đoàn Bán (Thửa đất 83, TBD 73)	Đất hộ ông Hoàng Văn Thắng (Thửa đất 216, TBD 73)	5.500.000
4	Đường đi xã Phú Lộc	Ngã ba Ea Tóh (Nhà ông Quynh)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Thao (Ngã 3)	2.255.000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Thao (Ngã 3)	Giáp ranh giới xã Phú Lộc	1.375.000
5	Đường đi xã Ea Tam	Ngã tư đi Ea Tam, buôn Kai	Ngã ba đường vào thôn Tân Quảng	2.277.000
		Ngã ba đường vào thôn Tân Quảng	Ngã ba đường vào thôn Tân Trung A	1.375.000
		Ngã ba đường vào hội trường thôn Tân Trung A	Giáp xã DLiê Ya	6.060.000
6	Đường đi buôn Kai	Ngã tư đi Ea Tam, buôn Kai	Ngã 3 nhà Châu Nga	2.376.000
		Ngã 3 nhà Châu Nga	Ngã ba dốc Miếu vào thôn Tân Thành	1.250.000
	Đường đi buôn Kai	Ngã ba dốc Miếu	Ngã ba Sinh Kè đi Ea Tân	704.000
		Ngã ba Sinh Kè đi Ea Tân	Cầu ông Ký	693.000
		Ngã ba đường trường TH Hà Huy Tập	Ngã 5 trường TH Ngô Quyền	550.000
		Ngã 5 trường TH Ngô Quyền	Hội trường thôn Tân An	330.000
		Hội trường thôn Tân An	Giáp xã Cư Né, Krông Búk	220.000
7	Đường liên thôn	Cấp dọc lô ông Dĩnh thôn Tân Hà	Ngã 3 nhà ông Mỹ thôn Tân Hà	407.000
		Ngã ba nhà ông Hiền (Thôn Tân Hợp)	Ngã 3 nhà ông Thao (Thôn Tân Hợp)	264.000
		Cổng chào thôn Tân Hà	Ngã tư nhà ông Hồ Văn Thái	671.000
		Ngã tư nhà ông Hồ Văn Thái	Ngã ba Hiền Cường	264.000
8	Trục 2 liên thôn	Ngã tư nhà ông Hồ Văn Thái	Phía Bắc trung tâm chợ	330.000
		Phía Bắc trung tâm chợ (Thửa 136, TBD 73)	Ngã 3 đường vào trường THPT Nguyễn Huệ (Thửa 23, TBD 69)	3.000.000
9	Đường đi Buôn Kai	Ngã ba sinh Kè đi Ea Tân	Giáp xã Ea Tân	300.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10	Khu dân cư thôn Tân Quảng, thôn Tân Hà, thôn Tân Hợp, thôn Tân Thành			143.000
11	Khu vực còn lại			121.000
V	Xã Ea Tam			
1	Đường trực chính	Ngã tư Tam thịnh Tam An (Thửa 85, TBĐ số 82)	Hồ Ea Tam (Thửa 152, TBĐ số 73)	1.045.000
		Ngã tư Tam thịnh Tam An (Thửa 51, TBĐ số 82)	Giáp xã Ea Puk (Thửa 24, TBĐ số 86)	550.000
		Ngã tư Tam thịnh Tam An (Thửa 48, TBĐ số 82)	Ngã ba đường rẽ buôn Chít (Thửa 26, TBĐ số 70)	770.000
		Cổng trường Hoàng Văn Thụ (Thửa 93, TBĐ số 77)	Nhà ông La Khánh Sự (Thửa 375, TBĐ số 72)	736.000
		Trường Tiểu học Tam Trung (Thửa 51, TBĐ số 10)	Ngã ba nhà ông Hà Sỹ Tôn (Thửa 20, TBĐ số 09)	440.000
		Ngã ba nhà ông Hà Sỹ Tôn (Thửa 20, TBĐ số 09)	Cầu ngầm Ea Tam - Ea Tóh (42, TBĐ số 03)	352.000
		Từ Trường Tiểu học Tam Trung (Thửa 67, TBĐ số 10)	Ngã ba Tam Lực - Tam Liên (Thửa 126, TBĐ số 12)	352.000
		Ngã ba Tam Lực - Tam Liên (Thửa 163, TBĐ số 12)	Ngã ba nhà ông Phái đi xã Cư Klông+300m (Thửa 73, TBĐ số 13)	264.000
		Nhà ông Thôn (Tam Lập) - Thửa 38, TBĐ số 58)	Ngã ba nhà ông Phái (Tam Lập) - Thửa 72, TBĐ số 22	264.000
		Ngã ba đường rẽ buôn Chít (Thửa 10, TBĐ số 70)	Ngã ba nhà ông Lộc (Thửa 72, TBĐ số 29)	352.000
		Ngã ba nhà ông Lộc (Thửa 102, TBĐ số 29)	Ngã ba Tam Lực - Tam Liên (Thửa 06, TBĐ số 21)	264.000
		Hồ Ea Tam (TBĐ số 107, TBĐ số 68)	Hết khu đất đầu giá Trung tâm xã (Thửa 89, TBĐ số 69)	1.760.000
		Hết khu đất đầu giá Trung tâm xã (Thửa 240, TBĐ số 69)	Ngã ba Tam Lập (Thửa 139, TBĐ số 64)	704.000
		Ngã ba Tam Lập (Thửa 124, TBĐ số 64)	Hết vườn nhà ông Nông Văn Đại (Tam Lập) - Thửa 42, TBĐ số 58	352.000
2	Khu dân cư xung quanh Chợ (Tờ bản đồ số 68)			704.000
3	Khu vực còn lại			110.000
VI	Xã Ea Puk			
1	Đường trực chính	Ranh giới đất nhà Nhà ông Đinh Xuân Thanh (Thửa 1065, TBĐ số 09), đi UBND xã	Trạm Y tế xã	770.000
		Trạm Y tế xã	Hết vườn nhà ông Đinh	308.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Ngọc Tài (Thửa 102, TĐĐ số 15)	
		Cổng chào thôn Giang Thủy	Ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Phụng (Thửa 24, TĐĐ số 55), hết tuyến đường nhựa	198.000
2	Đường liên xã	Ngã ba (Đường vào thác)	Nhà ông Đinh Xuân Thanh (Thửa 1065, TĐĐ số 09) - Đi UBND xã	616.000
		Ngã ba (Đi xã Ea Tam)	Ranh giới đất nhà ông Hồ Đăng Hùng (Thửa 26, TĐĐ số 46)	583.000
		Ngã ba (Đi xã Tam Giang)	Ranh giới đất nhà ông Phan Luật (Thửa 23, TĐĐ số 47)	693.000
		Phần còn lại của đường liên xã đi Ea Tam, Tam Giang		506.000
3	Các trục đường chính còn lại thuộc Quy hoạch trung tâm xã			275.000
4	Khu vực còn lại			121.000
VIII	Xã Ea Hồ			
1	Đường từ Buôn Hồ đi Krông Năng (Quốc lộ 29)	Ngã ba Giáp ranh với huyện Krông Búk	Hết ranh giới Trạm Y tế xã Ea Hồ	2.200.000
		Hết ranh giới Trạm Y tế xã Ea Hồ	Hết ranh giới nhà bà Vĩnh (Thửa 02, TĐĐ số 83)	3.850.000
		Hết ranh giới nhà bà Vĩnh (Thửa 02, TĐĐ số 83)	Hết ranh giới xã Ea Hồ đi Krông năng	2.750.000
2	Đường vào nghĩa địa xã Tân Lập	Ngã ba (Giáp ranh với huyện Krông Búk)	Giáp ranh Krông Búk	935.000
3	Đường đi xã Ea Tóh	Ngã tư xã Ea Hồ	Đường vào nhà văn hóa Buôn hồ B	1.870.000
		Đường vào nhà văn hóa Buôn hồ B	Ngã ba buôn Giêr	1.430.000
		Ngã ba đi buôn Giêr	Hết ranh giới Ea Hồ (Giáp Ea Tóh)	605.000
4	Đường đi xã Ea Drông	Ngã tư xã Ea Hồ	Ngã tư đi buôn ALê	1.430.000
		Ngã tư đi buôn ALê	Hết vườn nhà H Wiên Niê (Thửa 91, TĐĐ số 49)	605.000
		Hết vườn nhà H Wiên Niê (Thửa 91, TĐĐ số 49)	Giáp xã Ea Drông	385.000
5	Đường đi xã Phú Xuân	Ngã tư đi buôn ALê	Ngã tư sân bóng Buôn M'Ngoan	495.000
6	Đường vào rừng thủy tùng	Ngã ba buôn Giêr	Ngã ba giáp ranh xã Tân Lập	495.000
7	Đường phía đông	Giáp Quốc lộ 29 (thửa 52, tờ bản đồ 76)	Ngã tư nhà ông Khoa (thửa 07, tờ bản đồ 84)	1.100.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Krông Năng			
8	Đường đi Nghĩa trang huyện Krông Năng	Ngã tư nhà ông Khoa (thửa 07, tờ bản đồ 84)	Hết ranh giới thửa đất của ông Phan Lúa (thửa 64, tờ bản đồ 39)	550.000
9	Khu vực còn lại			150.000
VIII	Xã Diê Ya			
1	Đường trục chính	Ngã tư TT xã (Hiệu thuốc Lộc Hương - Thửa 174 TBĐ 112)	Cổng chào Buôn K mang	2.750.000
		Ngã tư TT xã (Hiệu thuốc Lộc Hương - Thửa 174 TBĐ 112)	Ngã tư nhà Bà Thảo Nguyên (Thửa 133, TBĐ số 112)	3.120.000
		Ngã tư TT xã (Hiệu thuốc Lộc Hương - Thửa 174 TBĐ 112)	Ngã ba Lợi Bích (Thửa 227, TBĐ số 112)	3.120.000
		Ngã tư TT xã (Hiệu thuốc Lộc Hương - Thửa 174 TBĐ 112)	Hội trường thôn Trung Hòa (Thửa 257, TBĐ số 112)	2.880.000
		Ngã ba xăng dầu Quý Điều (Thửa 45 TBĐ 112)	Cầu suối Mơ	2.035.000
		Cầu suối Mơ	Ngã ba Trường Ama Trang Long (Hết đất đại lý Giang Thanh - Thửa 91, TBĐ số 84)	1.375.000
		Ngã ba Trường Ama Trang Long	Ngã ba đội 2 (Thửa 7, TBĐ số 84)	330.000
		Cổng chào Buôn K mang	Nhà văn hoá buôn K mang (Thửa 8, TBĐ số 109)	1.210.000
		Nhà văn hoá buôn K mang (Thửa 8, TBĐ số 109)	Ngã 3 vào Ea Blông (Thửa 148, TBĐ số 63)	330.000
		Ngã 3 vào Ea Blông (Thửa 148, TBĐ số 63)	Giáp xã Ea Tân	220.000
		Ngã ba Lợi Bích (Thửa 227, TBĐ số 112)	Tháp nước sạch (Thửa 46, TBĐ số 109)	990.000
		Ngã ba Lợi Bích (Thửa 227, TBĐ số 112)	Ngã ba gần cầu Ama Khun (Hết đất nhà H'Djuk Niê Kđăm) (Thửa 22, TBĐ số 116)	2.255.000
		Ngã ba gần cầu Ama Khun (Thửa 22, TBĐ số 116)	Cầu Ama Khun (Thửa 42, TBĐ số 116)	1.650.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Cầu Ama Khun (Thửa 42, TBD số 116)	Giáp xã Ea Tóh	330.000
		Ngã tư bà Thảo Nguyên (Thửa 133, TBD số 112)	Ngã tư, hết đất ông Y Duy (Thửa 115, TBD số 113)	1.200.000
		Ngã tư bà Thảo Nguyên (Thửa 133, TBD số 112)	Ngã tư nhà ông Nghĩa (Thửa 33, TBD số 112)	1.740.000
		Ngã tư nhà ông Nghĩa (Thửa 33, TBD số 112)	Hết đất ông Y Put Niê (Thửa 49, TBD số 109)	1.595.000
		Ngã tư bà Thảo Nguyên (Thửa 133, TBD số 112)	Niệm phạt đường	275.000
		Ngã tư, nhà ông Y Duy (Thửa 115, TBD số 113)	Ngã ba gần cầu Ama Khun	275.000
		Ngã tư nhà Thao Lục (Thửa 285, TBD số 112)	Ngã tư, nhà ông Y Duy (Thửa 115, TBD số 113)	600.000
2	Khu vực thôn Ea Krái	Ngã tư thôn Ea Krái	Hết nhà ông Phạm Hồng Nghĩa (Thửa 110, TBD số 101)	220.000
		Hết nhà ông Phạm Hồng Nghĩa (Thửa 110, TBD số 101)	Giáp xã Phú Lộc	165.000
		Ngã tư thôn Ea Krái	Hết nhà ông Lương Minh Sâm (Thửa 96, TBD số 98)	275.000
		Hết nhà ông Lương Minh Sâm (Thửa 96, TBD số 98)	Giáp xã Ea Tam	143.000
		Ngã tư thôn Ea Krái	Nhà ông Thê (Thửa 32, TBD số 100)	330.000
		Nhà ông Thê (Thửa 32, TBD số 100)	Giáp xã Ea Tóh	220.000
		Ngã tư thôn Ea Krái	Nhà ông Năm (Thửa 28, TBD số 98)	275.000
3	Khu vực thôn Ea Bi	Ngã 3 Ea Bi (Cổng chào)	Hết nhà ông Võ Văn Thượng (Thửa 29, TBD số 24)	660.000
		Ngã 3 Ea Bi (Cổng chào)	Ngã 3 vào buôn Tleh	220.000
		Ngã 3 vào buôn Tleh	Giáp xã Cư Klông	154.000
		Ngã 3 đường nhựa thôn Ea Bi	Giáp xã Ea Tân	154.000
4	Khu vực thôn Đồng Tâm	Nhà ông Nguyễn Hùng (Thửa 8, TBD số 70)	Ngã tư nhà ông Trần Đăng Khoa (Thửa 2, TBD số 70)	154.000
5	Khu vực Buôn Yóh - Bình An	Tháp nước sạch	Cổng chào thôn Bình An	154.000
6	Khu vực đất	Ông Nguyễn Công Sửu (Thửa 52, TBD số 110)	Ông Đào Bôn (Thửa 94, TBD số 110)	154.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Hương Sang, thôn Trung Hoà			
7	Khu vực thôn Ea Sim	Ngã ba Trường Ama Trang Long (Đi vào Tân Hiệp)	Ngã ba Đội 4 thôn Ea Sim	154.000
8	Khu vực còn lại			110.000
IX	Xã Cư Klông			
1	Đường trục chính	Ngã ba Trung tâm xã	Hết ranh giới đất nhà bà Nguyễn Thị Nguyệt (Thửa 17, TBĐ số 62)	1.320.000
		Ngã ba Trung tâm xã	Hết ranh giới đất nhà ông Đinh Văn Tín (Thửa 15, TBĐ số 58)	1.320.000
		Ngã ba Trung tâm xã	Hết ranh giới đất nhà ông Trương Văn Tình (Thửa 11, TBĐ số 61), giáp ngã ba	1.440.000
2	Đường thôn Tam Bình	Hết ranh giới đất nhà ông Trương Văn Tình (Thửa 11, TBĐ số 61), giáp ngã ba	Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Văn Minh (Thửa 50, TBĐ số 61)	1.020.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Văn Minh (Thửa 50, TBĐ số 61)	Ngã tư Tam Thuận - Tam Bình	660.000
		Ngã tư Tam Thuận - Tam Bình	Giáp ranh xã Ea Tam	300.000
3	Đường đi Tam Thuận	Ngã tư Tam Thuận - Tam Bình	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Nguyễn Văn Khách xóm 4	180.000
		Ngã tư Tam Thuận - Tam Bình	Ngã ba thôn Tam Khánh	240.000
		Ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Văn Rụi (Thửa 38, TBĐ số 33)	Cầu 135 thôn Tam Thuận	180.000
		Từ ngã ba nhà nguyên đảng Bốn (Thửa số 75, TBĐ 34)	Đến hết ranh giới nhà ông Lưu Trọng Phát (Thửa số 110, TBĐ 33)	150.000
		Từ ngã ba nhà ông Trịnh Đình Anh (Thửa số 67, TBĐ 33)	Đến hết ranh giới nhà ông Nông Văn Tuyền (Thửa số 77, TBĐ 22)	150.000
		Từ ngã ba nhà ông Trương Văn Hoa (Thửa 06, TBĐ 33)	Đến hết ranh giới nhà ông Nguyễn Khắc Quang (Thửa số 08, TBĐ 23)	150.000
4	Đường đi Tam Khánh	Hết ranh giới đất nhà ông Đinh Văn Tín (Thửa 15, TBĐ số 58)	Ngã ba thôn Tam Khánh (Hết ranh giới đất nhà ông Trần Đức Khôi - Thửa	840.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			125, TBĐ số 34)	
		Ngã ba thôn Tam Khánh (Hết ranh giới đất nhà ông Trần Đức Khôi - Thửa 125, TBĐ số 34)	Hết ranh giới đất nhà ông Nông Văn Hợp (Thửa 93, TBĐ số 35)	360.000
		Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Lân(Thửa số 12, TBĐ 63)	Hết ranh giới đất nhà ông Đinh Văn Trang(Thửa số 86, TBĐ 35)	150.000
5	Đường thôn Tam Hà	Hết ranh giới đất nhà bà Nguyễn Thị Nguyệt (Thửa 17, TBĐ số 62)	Hết ranh giới đất nhà ông Nông Văn Lập (Thửa 5, TBĐ số 353)	840.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nông Văn Hợp (Thửa 5, TBĐ số 353)	Ngã ba rẽ vào khu rừng phòng hộ	420.000
		Ngã ba rẽ vào khu rừng phòng hộ	Ngã tư rẽ đi thôn Tam Hợp	240.000
6	Đường thôn Tam Hợp	Ngã tư rẽ đi thôn Tam Hợp	Đường nhựa đi thôn Cù Klông	156.000
7	Đường thôn Cù Klông	Đường nhựa đi thôn Cù Klông	Đường nhựa đi thôn Ea Bir	156.000
8	Đường thôn Ea Bir	Đường nhựa đi thôn Ea Bir	Giáp xã Dliêya	156.000
9	Khu vực còn lại			120.000
X	Xã Phú Lộc			
1	Tuyến đường chính thuộc khu vực Trung tâm xã	Giáp lô cao su 19 gần khu đất đồi thông (Đường đi huyện)	Nông trường Công ty Cao su (Ea Hồ - Phú Lộc)	3.080.000
		Trạm điện (Biển áp số 1)	Trường Tiểu học Phú Lộc	2.750.000
		Ranh giới đất nhà ông Trần Minh Châu (Thửa 231, TBĐ số 61)	Hết Ngã ba Bệnh viện công ty cao su Krông Búk	1.650.000
		Ranh giới đất nhà ông Hồ Xuân Hải (Thửa 37, TBĐ số 60)	Cổng chào thôn Lộc Tài	880.000
		Trạm điện (Biển áp số 1)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Đoàn Văn Minh (Thửa 122, TBĐ số 61)	660.000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Đoàn Văn Minh (Thửa 122, TBĐ số 61)	Cổng chào thôn Lộc Tiến	495.000
		Trạm điện (Biển áp số 1)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Lê Văn Vũ (Thửa 169, TBĐ số 56)	495.000
		Ranh giới đất nhà ông Trần Minh Châu (Thửa 231,	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Đoàn Văn Minh	715.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		TBĐ số 61)	(Thửa 122, TBĐ số 61)	
		Ranh giới đất nhà ông Hồ Xuân Quang (Thửa 18, TBĐ số 63)	Hết Ranh giới đất nhà ông Lê Văn Hoàng (Thửa 122, TBĐ số 64)	880.000
		Cổng chào thôn Lộc Thịnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Sim (Giáp lô cao su 25)	440.000
		Đường sau trường mẫu giáo Phú Lộc		275.000
		Ngã 3 nhà ông Trần Minh Châu (Thửa 231, TBĐ số 61)	Ranh giới đất nhà ông Hầu Cường (Thửa 16, TBĐ số 64)	770.000
		Ranh giới đất nhà ông Hầu Cường (Thửa 16, TBĐ số 64)	Hết đường liên thôn (Thôn Lộc Tiến)	660.000
		Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Khôi (Thửa 23, TBĐ số 64)	Cổng chào thôn Lộc Dũng	385.000
		Ranh giới đất nhà ông Phạm Ngọc Được (Thửa 37, TBĐ số 52)	Lô cao su 35 thôn Lộc Dũng	330.000
		Ngã tư nhà ông Phạm Ngọc Được (Thửa 37, TBĐ số 52)	Giáp thôn Tân Mỹ (Xã Ea Tóh)	330.000
		Ranh giới đất nhà ông Trần Trung (Thửa 202, TBĐ số 61)	Hết Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thanh (Thửa 147, TBĐ số 61)	616.000
		Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Duy Tôn (Thửa 184, TBĐ số 61)	Hết Ranh giới đất nhà bà Trần Thị Cúc (Thửa 386, TBĐ số 61)	616.000
		Đường từ cổng chính đến cổng phụ chợ xã (2 bên)		880.000
		Cổng chào thôn Lộc Tài	Giáp ranh xã Ea Tóh (Thôn Tân Lộc)	330.000
		Đường nội bộ điểm dân cư thôn Lộc Tân		616.000
		Từ ngã 3 nhà ông Phan Văn Toàn (Thửa 35, TBĐ số 52)	Hết ranh giới đất nhà ông Phùng Đức Vận (Thửa 46, TBĐ số 06)	286.000
2	Khu đấu giá thôn Lộc Tân	Đường ngang khu đấu giá A, B, C, D		1.540.000
4	Đường liên xã đi Ea Tóh, thị trấn Krông Năng	Ngã ba UBND Xã	Ngã tư nhà ông Phạm Ngọc Được (Thửa 37, TBĐ số 52)	1.320.000
		Ngã tư nhà ông Phạm Ngọc Được (Thửa 37, TBĐ số 52)	Hết lô đất nhà ông Trần Châu	990.000
		Hết lô đất nhà ông Trần Châu	Hết ranh giới xã Phú Lộc (Đường đi xã Ea Tóh)	780.000
		Đập Đông Hồ	Hết Ranh giới đất nhà bà	3.300.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Nguyễn Thị Xê (Thửa 137, TBĐ số 43)	
		Hết Ranh giới đất nhà bà Nguyễn Thị Xê (Thửa 137, TBĐ số 43)	Hết Ranh giới đất nhà ông Võ Đình Tuấn (Thửa 9, TBĐ số 42)	1.980.000
		Hết ranh giới nhà ông Phùng Đức Vận (Thửa đất 46, TBĐ 6)	Giáp ranh giới xã Ea Tóh (Thôn Tân Trung B)	260.000
5	Đường vành đai Đông Hồ	Từ đường liên xã	Hết Ranh giới đất nhà bà Đoàn Thị Liên (Thửa 69, TBĐ số 42)	2.750.000
		Hết Ranh giới đất nhà bà Đoàn Thị Liên (Thửa 69, TBĐ số 42)	Hết Ranh giới đất nhà bà Lê Văn Phỏ (Thửa 36, TBĐ số 42)	1.650.000
6	Khu vực còn lại			143.000
XI	Xã Ea Tân			
1	Đường trục chính	Đất nhà ông Vũ Chí Quyên (Thửa 90, TBĐ số 78), đối diện ngã ba thôn Đoàn Kết	Hết ranh giới thửa đất ông Đặng Văn Ba (Thửa 31, TBĐ số 83), đối diện ngã ba thôn Hải Hà - Ea Blông	6.240.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Đặng Văn Ba (Thửa 31, TBĐ số 83), đối diện ngã ba thôn Hải Hà - Ea Blông	Hết ranh giới thửa đất ông Bùi Xuân Trường (Thửa 110, TBĐ số 83)	3.640.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Bùi Xuân Trường (Thửa 110, TBĐ số 83)	Hết ranh giới thửa đất ông Lê Đình Hải (Thửa 2, TBĐ số 87), đối diện ngã ba Thống Nhất	1.560.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Lê Đình Hải (Thửa 2, TBĐ số 87), đối diện ngã ba Thống Nhất	Hội trường thôn Thống Nhất	616.000
		Ngã ba Trung tâm xã	Hết ranh giới thửa đất ông Ngô Duy Huân (Thửa 167, TBĐ số 78)	3.750.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Ngô Duy Huân (Thửa 167, TBĐ số 78)	Hết ranh giới thửa đất ông Lê Đình Ngọ (Thửa 41, TBĐ số 77)	2.850.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Lê Đình Ngọ (Thửa 41, TBĐ số 77)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Phan Văn Hiên (Thửa 24, TBĐ số 77)	990.000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Phan Văn Hiên (Thửa 24, TBĐ số 77)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Phạm Văn Trự (Thửa 9, TBĐ số 81)	465.000
		Đất nhà ông Nguyễn Văn Đức (Thửa 89, TBĐ số 78) đối diện ngã ba thôn Đoàn Kết	Hết ranh giới đất vườn nhà bà Lê Thị Xí (Thửa 8, TBĐ số 79), đối diện ngã ba thôn Ea Blông, Bắc	3.326.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			trung	
		Ngã ba thôn Ea Blông, Bắc trung	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Trần Văn Đảm (Thửa 61, TĐĐ số 33)	1.430.000
		Hết ranh giới đất vườn nhà bà Lê Thị Xí (Thửa 8, TĐĐ số 79), đối diện ngã ba thôn Ea Blông, Bắc trung	Ngã ba Yên khánh, Ea Heo	728.000
		Ngã ba Quán Hương Châu	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Hoàng Thế Thảo (Thửa 03, TĐĐ số 84)	1.045.000
		Cây xăng Minh Dự	Ranh đất nhà ông Đặng Văn Thanh (Thửa 207, TĐĐ số 78)	1.080.000
		Cây xăng Thắng Thành	Ngã ba đối diện nhà bà Đoàn Thị Dung (Thửa 70, TĐĐ số 78)	936.000
		Ranh đất nhà ông Đặng Văn Thanh (Thửa 207, TĐĐ số 78)	Ngã ba đường đi 67	715.000
		Ngã ba cổng chào thôn Đoàn Kết	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Trần Văn Khánh (Thửa 04, TĐĐ số 78)	220.000
		Bưu điện xã	Ngã ba đối diện nhà Phi Bông (Thửa 350, TĐĐ số 78)	990.000
2	Phía Đông chợ	Đất nhà ông Lê Thanh Tinh (Thửa 129, TĐĐ số 83)	Hết đất ông Trần Đức Cương (Thửa 70, TĐĐ số 79)	715.000
3	Phía Nam chợ	Đất nhà ông Lê Thanh Tinh (Thửa 19, TĐĐ số 83)	Hết đất ông Đỗ Hải Tiến (Thửa 35, TĐĐ số 84), giáp cổng phụ chợ	1.430.000
4	Các tuyến đường nội bộ trong chợ			1.430.000
5	Đường trục thôn	Ngã ba Quyết Tâm	Hội trường thôn Quyết Tâm	693.000
6	Đường liên xã đi xã Dliê Yang, huyện Ea Hleo	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Phạm Văn Trụ (Thửa 9, TĐĐ số 81)	hết ranh giới xã Ea Tân (thôn Liên Kết)	200.000
7	Đường huyện đi xã Ea Hiao, huyện Ea Hleo (đường	Hết ranh giới đất vườn nhà bà Lê Thị Xí (Thửa 8, TĐĐ số 79)	Đối diện ngã ba thôn Ea Blông, Bắc trung đến hết ranh giới xã Ea Tân (thôn Ea Heo)	300.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Ea Hồ - Ea Hleo)			
8	Đường liên xã đi xã Ea Tóh, huyện Krông Năng	Hết ranh giới đất bà Nguyễn Thị Ngoan (Thửa 42, TĐĐ số 31)	Hết ranh giới xã Ea Tân (thôn Ea Chiêu)	200.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Xuân Hiền	Ngã ba Giáo họ Ea Tân	200.000
9	Đường liên xã đi xã Dliê Ya	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Trần Văn Đám (Thửa 61, TĐĐ số 33)	Hết ranh giới xã Ea Tân (thôn Buôn Đét)	200.000
10	Phần còn lại trên đường liên xã đi Dliê Ya			220.000
11	Khu dân cư thôn Đoàn Kết, thôn Hải Hà			143.000
12	Khu vực còn lại			121.000
13	Phần còn lại đường liên xã đi Ea Tóh	Ngã ba Hội Ngộ (Thửa 130, tờ bản đồ 85)	Giáp xã Ea Tóh (đường Xinh Kè)	200.000

Giá đất ở tại nông thôn (vị trí quy hoạch chi tiết 1/500 đã được đầu tư cơ sở hạ tầng)

DVT:
Đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh, bổ sung mới
		Từ	Đến	
I	Dự án đất ở KDC thôn Lộc Tân, xã Phú Lộc			
1	Điểm dân cư thôn Lộc Tân (Đường số 3A)	Giáp trụ sở UBND xã Phú Lộc (trụ sở mới)	Giáp khu đất tiểu thủ công nghiệp	1.400.000
2	Điểm dân cư thôn Lộc Tân (Đường số 6)	Giáp đường số 7	Giáp đường số 2	1.200.000
3	Điểm dân cư thôn Lộc Tân (Đường số 1)	Nông trường Công ty Cao su (Ea Hồ-Phú Lộc)	Hết khu đất tiểu thủ công nghiệp	2.800.000
III	Dự án Đất trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân (cũ)			
1	Tuyến đường phía Đông trường tiểu Học Nguyễn Viết Xuân (cũ)	Đất hộ ông Phạm Văn Hậu (Thửa đất 100, TĐĐ 74)	Đất hộ ông Cao Xuân Cảnh (Thửa đất 31, TĐĐ 73)	5.500.000
III	Dự án khu trung tâm xã Ea Dăh			

1	Khu trung tâm xã	Tuyến 3: Từ ngã 3 đường nhựa thôn Giang Đông (từ 16 thửa từ A128 đến A143)	Đến hết khu đất phân lô giáp ông Phạm Văn Khánh (gồm 16 thửa từ A128 đến A143)	1.300.000
		Tuyến 4: Từ Trường THCS Chu Văn An (gồm 5 thửa từ thửa A128 đến A143)	Đến nhà ông Trương Sinh (gồm 5 thửa từ thửa A128 đến A143)	1.000.000
		Tuyến 6: Từ ngã tư đường vào trường Tiểu học Ea Dăh (gồm 3 thửa từ thửa A150 đến A152)	Đến ngã tư đường nhựa liên xã xuống đập Ea Tók (gồm 3 thửa từ thửa A150 đến A152)	800.000
		Tuyến 7: Từ mương nước đối diện Trường Mẫu giáo Hoa Cúc Trắng (gồm 6 thửa từ thửa A144 đến A149)	Hết tuyến đường gần nhà ông Khánh (gồm 6 thửa từ thửa A144 đến A149)	600.000

7. Giá đất ở tại đô thị:

ĐVT: đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thị trấn Krông Năng			
1	Hùng Vương (Đi xã Phú Lộc)	Nguyễn Tất Thành (Ngã tư TT)	Ngô Quyền	28.215.000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	8.060.000
		Lê Thánh Tông	Cầu đập Đông Hồ	5.200.000
2	Hùng Vương (Tỉnh lộ 3)	Nguyễn Tất Thành (Ngã tư TT)	Tuệ Tĩnh	17.550.000
		Tuệ Tĩnh	Phan Bội Châu	8.060.000
		Phan Bội Châu	Trần Phú (Ngã ba)	5.460.000
3	Tỉnh lộ 3	Trần Phú (Ngã ba)	Cây xăng Thu Thời (Thửa 25, TĐĐ số 94)	4.160.000
		Cây xăng Thu Thời (Thửa 25, TĐĐ số 94)	Đường vào cổng chào TDP 7	2.730.000
		Đường vào TDP 7	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Bốn Minh (Thửa 33, TĐĐ số 122)	2.470.000
4	Khu vực chợ xã Krông Năng cũ	Nhà ông Bốn Minh (Chợ)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Tới (Thửa 48, TĐĐ số 123)	2.730.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Tới (Thửa 48, TĐĐ số 123)	Cầu Phú Xuân (Hết ranh giới Thị Trấn)	1.820.000
5	Nguyễn Tất Thành (Đi xã Tam Giang)	Hùng Vương (Ngã tư TT)	Nguyễn Văn Trỗi	17.550.000
		Nguyễn Văn Trỗi	Cây xăng Hiếu An	11.050.000
		Cây xăng Hiếu An	Hết Khu dân cư (Hết vườn ông Y M Rền Niê)	4.550.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			- Thửa 215, TBD số 14)	
		Hết Khu dân cư (Hết vườn ông Y M Rễn Niê - Thửa 215, TBD số 14)	Cầu buôn Wiao	3.250.000
		Cầu buôn Wiao	Cầu Tam Giang (Giáp xã Tam Giang)	1.560.000
6	Nguyễn Tất Thành (Đi TX Buôn Hồ)	Hùng Vương (Ngã tư TT)	Lê Duẩn	17.550.000
		Lê Duẩn	Tôn Đức Thắng	38.430.000
		Tôn Đức Thắng	Ngã ba đường vào nghĩa trang Liệt sỹ huyện	10.400.000
		Ngã ba đường vào nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Hết ranh giới thị trấn (Giáp xã Ea Hồ)	7.150.000
7	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	5.330.000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	3.575.000
		Lê Thánh Tông (Nhà ông Nghĩa Thống Kê)	Võ Thị Sáu	2.210.000
		Nguyễn Tất Thành	Tuệ Tĩnh	2.990.000
		Tuệ Tĩnh	Trần Phú	2.210.000
8	Võ Thị Sáu	Tôn Đức Thắng	Trần Hưng Đạo	1.300.000
9	Trần Phú	Tôn Đức Thắng	Hùng Vương (Đi Ea Kar)	1.820.000
10	Lê Thánh Tông	Hùng Vương	Tôn Đức Thắng	3.375.000
		Tôn Đức Thắng (Nhà ông Sinh)	Ngã ba đường đi ra hướng Nguyễn Tất Thành	1.625.000
		Ngã ba đường đi ra hướng Nguyễn Tất Thành	Giáp vườn nhà ông Lê Xuân Triều (Thửa 01, TBD số 58)	1.300.000
		Hùng Vương	Nguyễn Văn Trỗi	1.687.500
		Nguyễn Văn Trỗi	Hết đường	975.000
11	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Tất Thành	Trần Phú	5.265.000
		Trần Phú	Ngã ba hết thửa đất nhà ông Huỳnh Văn Sự (Thửa 330, TBD số 19)	1.625.000
		Ngã ba hết thửa đất nhà ông Huỳnh Văn Sự (Thửa 330, TBD số 19)	Giáp ranh xã Phú Xuân	1.000.000
		Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	15.480.000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	4.160.000
		Lê Thánh Tông	Phan Chu Trinh	2.730.000
		Phan Chu Trinh	Hết đường	1.820.000
12	Tuệ Tĩnh	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	3.315.000
		Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	2.470.000
13	Đường xung quanh trường	Hùng Vương	Hết thửa đất nhà ông Phan Hải Đường (Thửa	845.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	dân tộc nội trú		20, TBĐ số 80)	
14	Đường công viên Bàu Sen	Trần Cao Vân	Hết thửa đất Cao Văn Quang (Thửa 18, TBĐ số 80)	845.000
		Hùng Vương	Giáp đường vào Buôn Wiao	1.300.000
15	Phan Bội Châu	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	3.315.000
		Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	2.210.000
16	Huỳnh Thúc Kháng	Hùng Vương	Lê Duẩn	13.498.000
		Lê Duẩn	Tôn Đức Thắng	3.900.000
		Hùng Vương	Y Jút	4.550.000
17	Phan Đình Phùng	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	3.315.000
		Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	2.210.000
		Tôn Đức Thắng	Nhà ông Phan Thanh Chương (Tổ dân phố 1) - Thửa 08, TBĐ số 59	1.820.000
18	Ngô Quyền	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	3.315.000
		Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	1.625.000
		Tôn Đức Thắng	Giáp đường Lê Thánh Tông nói dài	1.300.000
		Hùng Vương	Nguyễn Văn Trỗi	3.315.000
		Nguyễn Văn Trỗi	Hết thửa đất nhà ông Huỳnh Minh Lượng (Thửa 01, TBĐ số 07)	1.625.000
19	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	2.730.000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	2.210.000
		Lê Thánh Tông	Ngã ba nhà bà Hồ Thị Hường (Thửa 20, TBĐ số 07)	1.625.000
		Ngã ba nhà bà Hồ Thị Hường (Thửa 20, TBĐ số 07)	Hết đường	1.105.000
20	Y Jút	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	5.200.000
21	Phía Bắc Chợ huyện	Đường phía đông chợ	Y Jút	15.890.000
	Phía Đông Chợ huyện	Nguyễn Tất Thành (Ngã ba nhà ông Phi Linh)	Ngô Quyền	19.000.000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	3.500.000
22	Nơ Trang Long	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	4.420.000
		Ngô Quyền	Lê Thánh Tông	3.120.000
		Nguyễn Tất Thành	Tuệ Tĩnh	3.250.000
		Tuệ Tĩnh (Thửa số 12, TBĐ số 79)	Phan Bội Châu (Thửa số 41, TBĐ số 115)	2.990.000
23	Trần Cao Vân	Nguyễn Tất Thành	Ngã ba nhà ông Trần Xuân Mỹ (Thửa 33, TBĐ số 81)	2.730.000
		Ngã ba nhà ông Trần Xuân	Hết thửa ông Nguyễn	1.625.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Mỹ (Thửa 33, TĐĐ số 81)	Cao Cường (Thửa 31, TĐĐ số 81)	
		Đoạn từ nhà ông Nguyễn Cao Cường (Thửa 31, TĐĐ số 81)	Nhà bà H' H Vin	1.250.000
24	Lê Duẩn	Nguyễn Tất Thành	Phan Đình Phùng	3.315.000
		Nguyễn Tất Thành	Phan Bội Châu	4.160.000
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1.625.000
25	Nguyễn Du	Hùng Vương	Nơ Trang Long	2.210.000
		Trần Hưng đạo	Tôn Đức Thắng	1.300.000
26	Phan Chu Trinh	Hùng Vương (Nhà ông Hoàng Phương)	Tôn Đức Thắng (Nhà ông Quyền CTĐ)	2.730.000
		Hùng Vương (Nhà ông Tuấn)	Nguyễn Văn Trỗi	2.210.000
		Nguyễn Văn Trỗi	Hết đường	1.950.000
27	Phan Đăng Lưu	Hùng Vương (Nhà ông Thành thuế)	Trần Hưng Đạo	2.565.000
		Trần Hưng Đạo	Hết đường	2.295.000
		Hùng Vương (Nhà ông Thu lái xe)	Nguyễn Văn Trỗi	2.210.000
		Đường Tôn Đức Thắng (nhà ông Bằng TDP1)	Giáp nhà ông Nguyễn Hữu Bản (Thửa 319, tờ bản đồ 05)	1.500.000
		Nguyễn Văn Trỗi	Hết đường	1.105.000
28	Nguyễn Viết Xuân	Phan Đình Phùng	Nhà ông Đặng (Tổ dân phố 1) - Thửa 08, TĐĐ số 49	1.105.000
		Nguyễn Tất Thành	Nghĩa trang liệt sỹ	1.105.000
29	Các đường nội bộ thị trấn	Đường phía sau Ngân hàng Chính sách huyện	Giáp thửa đất ông Đặng Văn Thanh (Thửa 23, TĐĐ số 71)	3.315.000
		Hội trường tổ dân phố 2	Kho bạc huyện	3.315.000
		Nhà Huy Loan (Mẫu giáo) - Thửa 124, TĐĐ số 71	Hết thửa đất nhà ông Nguyễn Đắc Phương (Thửa 112, TĐĐ số 71)	3.120.000
		Nhà ông Phan Long Anh (Thửa 106, TĐĐ số 71)	Hết tường rào văn hóa thông tin	6.490.000
		Nguyễn Tất Thành (Nhà ông Hoàng Vinh)	Tường rào Phan Bội Châu	2.730.000
		Nguyễn Tất Thành (Nhà ông Tuấn)	Giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	2.730.000
		Nguyễn Tất Thành (Hàng rào Trường Nguyễn Văn Trỗi)	Nhà bà Dương Thị Len (Thửa 19, TĐĐ số 77)	2.720.000
		Nguyễn Tất Thành (Nhà Hiền Hiến)	Tuệ Tĩnh	2.730.000
		Nguyễn Tất Thành (Ngã ba	Ngô Quyền	4.160.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		nhà ông Phi Linh)		
		Ngô Quyền (Đất bà Toàn thửa 13, TĐĐ số 65)	Lê Thánh Tông (Đất Trường Quốc Khánh thửa 14, TĐĐ số 55)	2.730.000
		Thửa đất nhà ông Phan Khắc Tuế (Thửa 46, TĐĐ số 72)	Thửa đất nhà ông Huỳnh Ngọc Hải (Thửa 13, TĐĐ số 80)	6.195.000
		Thửa đất nhà ông Bùi Hữu Cương (Thửa 09, TĐĐ số 92)	Thửa đất nhà ông Lê Hồng Thái (Thửa 14, TĐĐ số 100)	1.300.000
		Thửa đất nhà ông Bùi Hữu Cương (Thửa 09, TĐĐ số 92)	Ngã tư đường đi Buôn Wiao B	1.300.000
		Thửa đất nhà ông Đặng Quang (Thửa 25, TĐĐ số 92)	Thửa đất nhà ông Nguyễn Hoàng (Thửa 15, TĐĐ số 99)	700.000
		Thửa đất nhà bà H Prak Niê Kdăm (Thửa 359, TĐĐ số 14)	Đến hết ranh giới thửa đất số 336, TĐĐ số 8	1.100.000
30	Đường đi Đập Thanh Niên	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Đức Thuận (Thửa 28, TĐĐ số 18)	1.105.000
		Nhà ông Phạm Ngọc Tuấn (Thửa 16, TĐĐ số 18)	Giáp đường Nguyễn Viết Xuân	845.000
		Thửa đất ông Nguyễn Đức Thuận (Thửa 28, TĐĐ số 18)	Thửa đất ông Y Thuk Mlô (giáp ranh giới xã Phú Xuân)- Thửa 52, TĐĐ 18	850.000
31	Đường vành đai xung quanh đập Đông Hồ	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	4.160.000
32	Khu dân cư thôn Bình Minh			390.000
33	Các tuyến đường khu dân cư tổ dân phố 7 đã được nhựa hoá			
	Tỉnh lộ 3 +40m	Ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Thông (Thửa 15, TĐĐ số 110)	Thửa đất hộ ông Đỗ Giáo (Thửa 12, TĐĐ số 115)	936.000
	Tỉnh lộ 3 +40m	Thửa đất ông Nguyễn Tý (Thửa 21, TĐĐ số 114)	Thửa đất hộ ông Phạm Ngọc Hoàng (Đường đi đập Đà Lạt - Thửa 03, TĐĐ số 116)	936.000
	Đoạn đường	Thửa đất nhà ông Đặng Văn Thành (Thửa 25, TĐĐ số 114)	Thửa đất ông Phạm Văn Cường (Thửa 286, TĐĐ số 27)	936.000
	Đoạn đường	Thửa đất ông Bùi Văn Ngọc (Thửa 30, TĐĐ số 115)	Hội trường tổ dân phố 7 (Thửa 05, TĐĐ số 121)	936.000
	Đoạn đường	Thửa đất ông Nguyễn Văn Tý (Thửa 106, TĐĐ số 116)	Thửa đất ông Nguyễn Văn Đông (Thửa 278, TĐĐ số 27)	936.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
34	Các tuyến đường khu dân cư tổ dân phố 8 đã được nhựa hoá			
	Đoạn đường	Thửa đất nhà ông Trần Sỹ (Thửa 22, TBĐ số 32)	Thửa đất ông Nguyễn Văn Ruân (Thửa 03, TBĐ số 127)	936.000
	Đoạn đường	Thửa đất nhà ông Đỗ Văn Tiến (Thửa 13, TBĐ số 127)	Thửa đất ông Phạm Hữu Kiện (Thửa 489, TBĐ số 34)	936.000
35	Các tuyến đường khu dân cư Buôn Weo A; Weo B; Buôn Ur đã được nhựa hoá			
	Buôn Wiao A	Thửa đất ông Y Bloi Niê K'Dăm (Thửa 01, TBĐ số 94)	Y Rít Mlô (Thửa 29, TBĐ số 82)	1.350.000
		Thửa đất ông Y Bloi Niê K'Dăm (Thửa 01, TBĐ số 94)	Hết thửa đất ông Y Khĩa Niê (Thửa 15, TBĐ số 91)	845.000
		Thửa đất ông Y Míp Niê (Thửa 27, TBĐ số 74)	Thửa đất bà H Lưn Niê (Thửa 1, TBĐ số 101)	750.000
		Thửa đất ông Y Dhin Niê Kdăm (Thửa 31, TBĐ số 75)	Thửa đất ông Y Diên Niê Kdăm (Thửa 31, TBĐ số 75)	650.000
		Thửa đất ông Y Khak Niê Hra (Thửa 82, TBĐ số 83)	Thửa đất ông Y Siu Mlô (Thửa 3, TBĐ số 102)	750.000
	Buôn Wiao B	Thửa đất ông Y Plêc M'Lô (Thửa 07, TBĐ số 105)	Hết thửa đất ông H Bon Mlô (Thửa 328, TBĐ số 19)	845.000
	Buôn Wiao B	Hết thửa đất nhà bà H Bon Mlô (Thửa 328, TBĐ số 19)	Đất nhà bà Huỳnh Thị Lan (Thửa 350, TBĐ số 19)	650.000
	Buôn Ur	Thửa đất ông Y Djuan Buôn Krông (Thửa 18, TBĐ số 101)	Hết thửa đất ông Y Mion Mlô (Thửa 10, TBĐ số 96)	715.000
36	Các tuyến đường còn lại thuộc buôn Weo A, buôn Weo B, buôn Ur			520.000
37	Khu vực còn lại			390.000

8. Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn và đô thị được quy định bằng 80% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh.

9. Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn và đô thị được quy định bằng 60% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh.

10. Bảng giá đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất xây dựng công trình sự nghiệp được Nhà nước giao đất không

thu tiền sử dụng đất được quy định theo giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở. Đối với đất xây dựng công trình sự nghiệp được Nhà nước cho thuê đất: quy định bằng 80% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh,

11. Bảng giá đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh được quy định bằng 60% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh.